

Ngày soạn: 15/9/2025

TIẾT 5-8. BÀI 3. SỰ PHÂN HÓA ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.
- Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
 - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định và trình bày được phạm vi, đặc điểm tự nhiên của các phần lãnh thổ, các đai cao và các miền tự nhiên nước ta.
 - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự phân hóa của thiên nhiên nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
 - + Sử dụng các công cụ địa lí
 - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat...
 - > Biết đọc và sử dụng bản đồ tự nhiên Việt Nam, Atlat Địa lí Việt Nam.
 - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập, nghiên cứu về sự phân hóa của thiên nhiên nước ta.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*
 - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về tự nhiên các phần lãnh thổ, các đai, các vùng, các miền tự nhiên nước ta.
 - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa của thiên nhiên nước ta.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về sự đa dạng của thiên nhiên nước ta.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện tự nhiên cũng như hoàn cảnh sống khác nhau.

- *Chăm chỉ*: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập.
- *Trách nhiệm*: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

Tiết	Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Em hãy nghe ca khúc và cho biết sự thay đổi của tự nhiên nước ta theo những hướng nào?

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu video và cho HS trả lời câu hỏi đề “Vượt qua thử thách”.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi và có 30 giây suy ngẫm sau đó trả lời câu hỏi.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

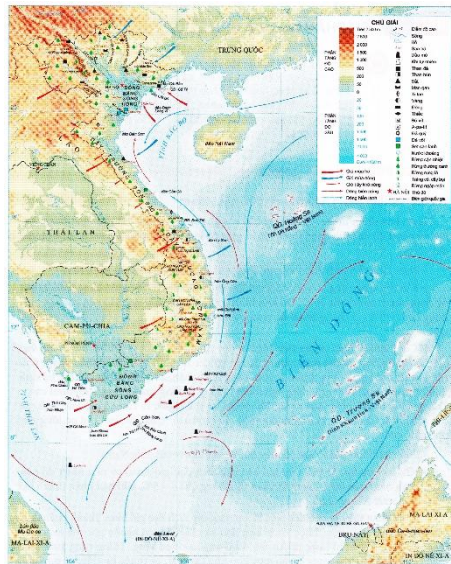
Mở đầu: Thiên nhiên Việt Nam nổi bật với tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa nhưng có sự phân hoá khác nhau theo bắc - nam, theo đông - tây và theo độ cao, hình thành các miền địa lý tự nhiên khác nhau. Sự phân hoá đó diễn ra như thế nào và có ảnh hưởng gì tới sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên

a) Mục tiêu: HS chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. Sử dụng được Bản đồ phân hoá thiên nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 3.1. Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam

* **Nhóm 1, 4:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Phân hóa theo Bắc - Nam

Thành phần		Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
Giới hạn			
Khí hậu	Kiểu khí hậu		
	Nhiệt độ TB năm		
	Số tháng có nhiệt độ < 18°C		
	Biên độ nhiệt độ TB năm		
	Tổng số giờ nắng		
	Sự phân mùa		
Cảnh quan	Đới cảnh quan		
	Cảnh sắc thiên nhiên		
Sinh vật	Thành phần loài		
	Thực vật		
	Động vật		

* **Nhóm 2, 5:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

2. Phân hóa theo Đông - Tây

Vùng biển và thềm lục địa	Vùng đồng bằng	Vùng đồi núi

* **Nhóm 3, 6:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

3. Phân hóa theo độ cao

Đặc điểm	Đai nhiệt đới gió mùa	Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi	Đai ôn đới gió mùa trên núi
Giới hạn			
Khí hậu			
Đất			
Sinh vật			

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA THIÊN NHIÊN

1. Thiên nhiên phân hoá theo chiều bắc - nam

Thể hiện rõ nhất ở sự khác biệt về nhiệt độ và cảnh quan thiên nhiên giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam.

Thành phần		a) Phần lãnh thổ phía Bắc	b) Phần lãnh thổ phía nam
Giới hạn		Từ dãy Bạch Mã (khoảng vĩ độ 16°B) trở ra miền Bắc.	Từ dãy Bạch Mã trở vào miền Nam
Khí hậu	Kiểu khí hậu	Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.	Cận xích đạo gió mùa.
	NĐTB năm	> 20°C	> 25°C
	Số tháng có nhiệt độ < 18°C	2 - 3 tháng/năm.	Không có.
	Biên độ NĐTB năm	Lớn (trên 10°C).	Nhỏ (không quá 4 - 5°C).
	Sự phân mùa	Mùa đông (lạnh) - mùa hạ (nóng, ẩm, mưa nhiều).	Mùa mưa - mùa khô.
Cảnh quan	HST tiêu biểu	Rừng nhiệt đới gió mùa.	- Rừng cận xích đạo gió mùa. - Rừng ngập mặn, rừng tràm (ĐBSCL).
	Cảnh sắc thiên nhiên	Thay đổi theo mùa, khác nhau giữa các khu vực.	Thay đổi theo mùa mưa - khô và giữa các khu vực.
Sinh vật	Thành phần loài	Loài nhiệt đới chiếm ưu thế.	Chủ yếu: xích đạo, nhiệt đới.
	Thực vật	Các loài thực vật cận nhiệt đới (dẻ, re....) và ôn đới (sa mộc, đỗ quyên,...)	- Rừng có nhiều loài cây chịu hạn, rụng lá vào mùa khô (cây họ Dầu). - Rừng thưa nhiệt đới khô (rừng khộp).

	Động vật	Loài thú lông dày (gấu, chồn, ...)	Thú lớn: voi, hổ, báo, bò rừng. Rừng ngập mặn, rừng tràm: động vật đa dạng.
--	----------	------------------------------------	--

2. Thiên nhiên phân hoá theo chiều đông - tây

Từ đông sang tây (từ biển vào đất liền), thiên nhiên nước ta có sự phân hoá thành ba dải rõ rệt.

Vùng biển và thềm lục địa	Vùng đồng bằng	Vùng đồi núi
- Vùng biển: + Diện tích rộng (gấp 3 lần đất liền). + Thiên nhiên đa dạng, giàu có, tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa. - Vùng thềm lục địa: + Mở rộng ở vịnh Bắc Bộ, vùng biển Nam Bộ và vịnh Thái Lan. + Phần còn lại thu hẹp, nhất là ở đoạn ven biển Nam Trung Bộ.	- Thiên nhiên thay đổi tùy nơi phản ánh MQH giữa vùng đồi núi với vùng biển, thềm lục địa. - ĐBSH và ĐBSCL: + Được bồi tụ, mở rộng với bãi triều thấp, phẳng, thềm lục địa rộng, nông. + Địa hình thấp, tương đối bằng phẳng, có nhiều ô trũng. + Đất phù sa màu mỡ. - Đồng bằng ven biển Trung Bộ: + Hẹp ngang và bị chia cắt. + Đường bờ biển khúc khuỷu. + Địa hình phổ biến: cồn cát, đầm phá. + Đất kém màu mỡ.	- Chủ yếu do tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi. - Dãy HLS tạo nên sự khác biệt giữa Đông Bắc - Tây Bắc: + Đông Bắc: sắc thái cận nhiệt đới gió mùa. + Núi thấp Tây Bắc: cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa. + Núi cao: cảnh quan như vùng ôn đới. - Dãy Trường Sơn tạo nên sự khác biệt giữa ĐTS - TTS: + ĐTS: mùa mưa (thu đông) ⇔ vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ: mùa khô. + vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ: mùa mưa ⇔ ĐTS: nhiều nơi khô nóng.

3. Thiên nhiên phân hoá theo độ cao

Đặc điểm		Đai nhiệt đới gió mùa	Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi	Đai ôn đới gió mùa trên núi
Giới hạn	Miền Bắc	Dưới 600 - 700 m	Từ 600 - 700 m đến 2 600m	Trên 2 600 m
	Miền Nam	Dưới 900 - 1 000 m	Từ 900 - 1 000 m đến 2 600m	
Khí hậu		- Nhiệt đới gió mùa. - Tổng NĐ hoạt động năm: >7500°C. - Mùa hạ nóng (NĐTB tháng > 25°C). - Độ ẩm thay đổi.	- Khí hậu mát mẻ (NĐTB tháng mùa hạ < 25°C). - Tổng NĐ hoạt động năm: từ 4500 - 7500°C. - Mưa nhiều (> 2000 mm), độ ẩm cao.	- Tính chất ôn đới (quanh năm NĐ < 15°C). - Mùa đông NĐ < 5°C. - Tổng NĐ hoạt động năm: < 4500°C.
Đất		- Vùng đồng bằng: chủ yếu là đất phù sa. - Vùng đồi núi: chủ yếu là đất fe-ra-lit.	- Dưới 1 600 - 1 700 m: đất feralit có mùn. - Trên 1 600 - 1 700 m: đất xám mùn trên núi.	Chủ yếu là đất mùn núi cao.

Sinh vật	- HST rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh. - HST rừng nhiệt đới gió mùa. - HST khác phát triển trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt.	- Phổ biến là các loài cận nhiệt đới, xen kẽ một số loài nhiệt đới. - Các loài chim, thú cận nhiệt đới (gấu, sóc,...)	- Thực vật ôn đới chiếm ưu thế (đỗ quỳên, lãnh sam, thiết sam, rừng trúc lùn, rừng rêu mưa mù trên núi....)
----------	--	--	---

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

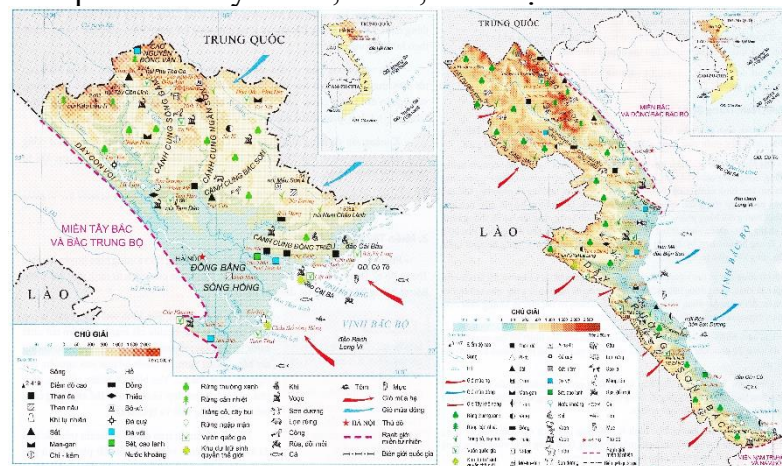
- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về các miền địa lí tự nhiên

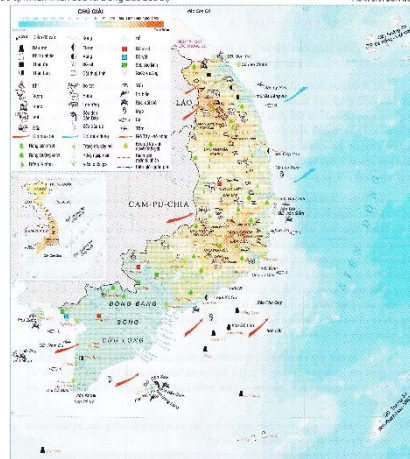
a) **Mục tiêu:** HS trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 3.2. Bản đồ tự nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

Hình 3.3. Bản đồ tự nhiên miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ



Hình 3.4. Bản đồ tự nhiên miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Nhóm	1, 4	2, 5	3, 6
Thành phần	Miền Bắc và Đông Bắc BB	Miền Tây Bắc và BTB	Miền NTB và Nam Bộ
Phạm vi			
Địa hình			
Khí hậu			
Sông ngòi			
Cảnh quan			
Khoáng sản			

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. CÁC MIỀN ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Thành phần	1. Miền Bắc và Đông Bắc BB	2. Miền Tây Bắc và BTB	3. Miền NTB và Nam Bộ
Phạm vi	- Gồm: Đồi núi Đông Bắc, Đồng bằng sông Hồng, vùng biển, đảo phía đông. - Phía tây, tây nam của miền dọc theo hữu ngạn sông Hồng và rìa phía tây nam ĐBSH.	- Gồm: Tây Bắc, BTB, vùng biển duyên hải BTB. - Từ ranh giới với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ tới dãy núi Bạch Mã.	- Gồm: NTB, Nam Bộ, vùng biển rộng lớn với nhiều đảo, quần đảo. - Ranh giới từ dãy núi Bạch Mã trở vào nam.
Địa hình và đất	- Địa hình: + Đa dạng, chủ yếu đồi núi thấp. + Hướng núi: vòng cung. + Hướng nghiêng: cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. + Đồng bằng: tương đối rộng, bằng phẳng. + Địa hình các-xơ khá phổ biến. + Địa hình bờ biển đa dạng. - Đất: + Đồi núi: đất feralit. + Đồng bằng: đất phù sa. + Ven biển: đất phèn, đất mặn.	- Địa hình: + Chủ yếu: núi cao và TB. + Địa hình bị chia cắt mạnh và hiểm trở. + Hướng núi: TB-ĐN. + Nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, lòng chảo,.... + Ven biển: cồn cát, đầm phá, bãi tắm đẹp, nhiều nơi có thể xây dựng cảng biển. + Đồng bằng: nhỏ, bị chia cắt. - Đất: + Đồi núi: đất feralit. + Đồng bằng: đất phù sa.	- Địa hình: + Khá phức tạp. + Gồm các khối núi, cao nguyên badan xếp tầng, đồng bằng châu thổ rộng lớn và đồng bằng nhỏ hẹp ven biển. + Vùng biển: với thềm lục địa rộng lớn. - Đất: + Núi, cao nguyên: đất feralit. + ĐBSCL: đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn. + Dải đồng bằng ven biển miền Trung: đất phù sa kém màu mỡ. + Ngoài ra còn có đất cát và đất xám trên phù sa cổ.

Khí hậu	- Miền chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc và có mùa đông lạnh điển hình nhất nước ta.	- Mùa đông ngắn và ít sâu sắc hơn so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ. - Đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng (nhất là BTB).	- Cận xích đạo gió mùa. - Có hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô. Mùa khô kéo dài gay gắt.
Sông ngòi	- Sông lớn: sông Hồng, sông Chảy,... - Hướng: tây bắc - đông nam; vòng cung.	- Sông lớn: sông Đà, sông Mã, sông Cả,... - Hướng: tây bắc - đông nam. - Sông nhỏ, dốc, từ vùng núi phía tây đổ ra Biển Đông.	- NTB: phần lớn sông nhỏ. - ĐBSCL: sông Tiền và sông Hậu phân chia thành nhiều chi lưu đổ ra biển.
Sinh vật	- Phong phú và đặc sắc. - Nhiều loài động vật quý hiếm: voọc đầu trắng, voọc quần đùi trắng, công.... - Cảnh quan có sự thay đổi theo mùa, theo khu vực.	- Có sự hội tụ của nhiều luồng sinh vật. - Rừng còn tương đối nhiều ở vùng núi Nghệ An, Hà Tĩnh. - Thành phần thực vật phương Nam chiếm ưu thế ở khu vực Trường Sơn Bắc.	- Cảnh quan điển hình là đới rừng cận xích đạo gió mùa. - Rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá và rụng lá (vùng cao nguyên tây Nam Trung Bộ). - Rừng ngập mặn và rừng tràm (ĐBSCL).
Khoáng sản	Than đá, than nâu, sắt, chì - kẽm, thiếc, khí tự nhiên...	Sắt, đồng, a-pa-tít, crôm, thiếc, vật liệu xây dựng....	Dầu mỏ, khí tự nhiên, bô-xít.

EM CÓ BIẾT?

Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là miền duy nhất ở nước ta có địa hình núi cao với đầy đủ ba đai cao.

Độ cao của đỉnh núi Phan Xi Păng công bố năm 1909 bằng phương pháp đo áp kế là 3 143 m. Hiện nay, Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đã công bố độ cao của đỉnh núi là 3 147 m.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu ảnh hưởng của sự phân hóa thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội

a) **Mục tiêu:** HS phân tích được ảnh hưởng của sự phân hoá đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích ảnh hưởng của sự phân hóa đa dạng thiên nhiên đến phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG THIÊN NHIÊN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thiên nhiên phân hoá đa dạng và phức tạp có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Sự phân hóa	Bộ phận	Ảnh hưởng
Theo chiều bắc - nam	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phát triển vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt đới (chè, hồi, quế, đào, lê,...).
	Phần lãnh thổ phía Nam	Phù hợp phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu,...).
Theo chiều đông - tây	Vùng ven biển và thềm lục địa	Phát triển tổng hợp kinh tế biển (khai thác, nuôi trồng hải sản; du lịch biển; giao thông vận tải biển;...).
	Vùng đồng bằng	Phát triển cây lương thực (nhất là lúa); chăn nuôi (lợn, gia cầm); thuận lợi cho định cư, tập trung các thành phố, đầu mối GTVT.
	Vùng đồi núi	- Thích hợp phát triển nông lâm kết hợp; các vùng chuyên canh cây công nghiệp; chăn nuôi gia súc lớn; công nghiệp (khai khoáng, thủy điện); du lịch;... - Khó khăn: GTVT; giao lưu kinh tế; phân bố dân cư; y tế, giáo dục,...
Theo độ cao	Các đai cao	- Tạo nên những nét độc đáo trong các ngành sản xuất và đời sống. - Tạo nên các thể mạnh khác nhau trong phát triển kinh tế. - Ảnh hưởng tới sự phân bố dân cư.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:**

1. So sánh đặc điểm khí hậu và cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta.

2. Lập bảng tóm tắt đặc điểm của các đai cao ở nước ta về độ cao, khí hậu, đất và sinh vật.

* **Gợi ý:** HS lập bảng so sánh theo mẫu gợi ý sau:

1.

Đặc điểm	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
Khí hậu		
Cảnh quan		

2.

Yếu tố	Đại nhiệt đới gió mùa	Đại cận nhiệt đới gió mùa trên núi	Đại ôn đới gió mùa trên núi
Độ cao			
Khí hậu			
Đất			
Sinh vật			

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Suy tầm thông tin, tìm hiểu ảnh hưởng của sự phân hoá thiên nhiên đến ngành nông nghiệp hoặc du lịch ở nước ta.

* **Gợi ý:**

Do vị trí địa lí, địa hình, hoàn lưu dẫn đến sự phân hóa khí hậu giữa các vùng, miền nên thời vụ ở các điểm, khu du lịch biển Việt Nam có sự khác nhau về thời gian, độ dài và cả tính chất của mùa vụ. Trong thực tế, thời vụ du lịch biển ở các vùng, miền này có đặc trưng khác nhau về thời gian, độ dài và cường độ của mùa du lịch.

- Vùng ven biển phía Bắc:
 - + Sự phân hóa thiên nhiên:
 - + Ảnh hưởng:
- Vùng ven biển phía Nam:
 - + Sự phân hóa thiên nhiên:
 - + Ảnh hưởng:
- Khu vực Nam Bộ:
 - + Sự phân hóa thiên nhiên:
 - + Ảnh hưởng:

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: BÀI 4. THỰC HÀNH: TRÌNH BÀY BÁO CÁO VỀ SỰ PHÂN HOÁ TỰ NHIÊN VIỆT NAM

Ngày soạn: 25/9/2025

TIẾT 9. BÀI 4. THỰC HÀNH: TRÌNH BÀY BÁO CÁO VỀ SỰ PHÂN HÓA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm để thực hiện nhiệm vụ thực hành.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

*** Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Sử dụng bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.

> Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được một số vấn đề sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ,...

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về truyền thống xây dựng và bảo vệ đất nước.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

- *Chăm chỉ:* Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định:

Ngày dạy	Lớp	Sĩ số	Ghi chú

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong quá trình học.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

* **Câu hỏi:** Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

1. Nội dung

- Thu thập tài liệu về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
- Viết và trình bày báo cáo về sự phân hoá tự nhiên nước ta.

2. Nguồn tư liệu

- Nội dung bài 1, 2, 3.
- Thông tin thu thập từ sách, báo, internet,... liên quan đến nội dung báo cáo.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) Mục tiêu: HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và trình bày được báo cáo về sự phân hóa tự nhiên Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) Sản phẩm: Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

3. Gợi ý thực hiện

- Lựa chọn một thành phần tự nhiên: địa hình hoặc khí hậu hoặc sinh vật, viết báo cáo về sự phân hoá của thành phần tự nhiên đã lựa chọn theo chiều bắc - nam hoặc theo độ cao địa hình.

- **Gợi ý cấu trúc báo cáo:**

SỰ PHÂN HOÁ VIỆT NAM

1. Giới thiệu chung

2. Sự phân hoá

- Biểu hiện
- Nguyên nhân
- Ý nghĩa

* **THAM KHẢO**

SỰ PHÂN HOÁ KHÍ HẬU VIỆT NAM THEO CHIỀU BẮC - NAM

1. Giới thiệu chung

Khí hậu nước ta có sự phân hóa rõ rệt theo chiều Bắc - Nam....

2. Sự phân hoá

a. Biểu hiện

+ Phần lãnh thổ phía Bắc (toàn bộ lãnh thổ phía Bắc tới dãy núi Bạch Mã): Khí hậu đặc trưng là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có một mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C . Do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc nên có một mùa đông lạnh với 2 – 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C , biên độ nhiệt độ trung bình năm cao.

+ Phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy núi Bạch Mã trở vào phía Nam): Khí hậu mang sắc thái của khí hậu cận xích đạo gió mùa, có nền nhiệt độ cao, trung bình năm trên 25°C , biên độ nhiệt độ không quá $4 - 5^{\circ}\text{C}$. Khí hậu phân thành hai mùa: mùa mưa và mùa khô.

b. Nguyên nhân

- Do lãnh thổ nước ta kéo dài theo chiều Bắc – Nam...

- Nước ta nằm trong khu vực hoạt động của gió mùa châu Á và khu vực hoạt động của Tín phong bán cầu Bắc...

- Một số dãy núi có hướng tây - đông là bức chắn địa hình làm hạn chế ảnh hưởng của gió mùa tới một số vùng...

c. Ý nghĩa

Sự phân hoá thiên nhiên theo chiều bắc - nam, đặc biệt là phân hoá của khí hậu có ảnh hưởng tới quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp giữa phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam. Phần lãnh thổ phía Bắc do khí hậu có một mùa đông lạnh nên có thể phát triển những vùng trồng cây công nghiệp, cây ăn quả cận nhiệt đới (chè, hồi, quế, đào, lê,...). Phần lãnh thổ phía Nam với khí hậu cận xích đạo và ưu thế về đất phù hợp phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu,...).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Loại đất chính ở đai ôn đới gió mùa trên núi ở nước ta là

- A. phù sa. B. fe-ra-lit. C. mùn núi cao. D. mùn.

Câu 2. Loại đất chính ở đai nhiệt đới gió mùa ở nước ta là

- A. phù sa. B. fe-ra-lit. C. mùn núi cao. D. mùn.

Câu 3. Loại đất phổ biến ở độ cao dưới 1700 m của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta là

- A. phù sa. B. fe-ra-lit mùn. C. mùn thô. D. xám mùn.

Câu 4. Loài sinh vật chiếm ưu thế ở độ cao từ 2600 m trở lên ở nước ta là

- A. thiết sam, lãnh sam. **B.** các loài cây nhiệt đới.
C. các loài thú lông dày. **D.** các loài thú to lớn.

Câu 5. Miền Bắc ở độ cao trên 600 - 700 m, miền Nam phải trên độ cao 900 - 1000 m mới có khí hậu cận nhiệt đới chủ yếu vì

- A. miền Bắc mưa nhiều hơn.
B. miền Nam mưa nhiều hơn.
C. miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.
D. nhiệt độ trung bình miền Nam cao hơn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

II. Đúng - sai

Câu 6. Cho thông tin sau:

“... Nền nhiệt cao, nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ những vùng núi cao), trong đó miền Nam thường có nhiệt độ trung bình cao hơn miền Bắc. Hằng năm, nước ta nhận được nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn; tổng số giờ nắng dao động tùy nơi, trung bình từ 1400 đến 3000 giờ/năm”.

- a) Nhiệt độ trung bình năm của miền Bắc cao hơn miền Nam **(S).**
- b) Tính chất nhiệt đới của khí hậu thể hiện rõ ở nước ta **(Đ).**
- c) Nước ta nhận được lượng bức xạ Mặt Trời lớn là do phần lớn lãnh thổ nằm ngoài chí tuyến (S).
- d) Tính chất của khí hậu có ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển và phân bố sinh vật **(Đ).**

III. Trả lời ngắn

Câu 7. Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100m thì nhiệt độ không khí sẽ giảm 0,6°C. Khi nhiệt độ không khí ở chân núi Phan-xi-păng là 22°C thì tại độ cao 2500 m của đỉnh núi này có nhiệt độ là bao nhiêu °C?

Đáp án: 7

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: BÀI 5. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÝ TÀI NGUYÊN THIÊN
NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

